

Bản án số: 138/2024/HS-PT

Ngày: 15-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Các Thẩm phán: Ông Lê Hùng Cường

Ông Trần Văn Quán

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồng Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 116/2024/TLPT-HS ngày 09 tháng 10 năm 2024. Do có kháng cáo của bị cáo Lê Chí T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2024/HS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Bị cáo kháng cáo: **Lê Chí T**, sinh ngày 19/5/2001, tại tỉnh Long An. Nơi cư trú: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu T1, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Trúc H, sinh năm 1978; bị cáo chưa có vợ và con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/5/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, vụ án còn có 04 bị cáo khác và 04 người liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị, nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 40 phút ngày 22/4/2023, tại ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Long An, Công an huyện T, bắt quả tang Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn K1, Lê Chí T, Trần Văn D và Nguyễn Trung K2 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Qua điều tra xác định được như sau:

Khoảng 20 giờ 45 phút ngày 22/4/2023, trong lúc uống bia và hát Karaoke tại phòng số 04 của điểm Karaoke Y, thuộc ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Long An, gồm có các bị cáo: Nguyễn Minh T2, Nguyễn Minh K3, Nguyễn Văn K, Trần Văn D và Lê Chí T. Bị cáo T2 rủ các bị cáo K3, K, D và T cùng hùn tiền lại để mua ma túy mang về cùng nhau sử dụng và được tất cả các bị cáo đồng ý. K3 hùn số tiền 700.000 đồng đưa cho K, K đưa lại số tiền trên cho T2; còn lại K, D và T cũng thống nhất hùn tiền để mua ma túy mang về sử dụng, nhưng do không có mang theo tiền, nên nói T2 trả trước, K, D và T sẽ trả tiền lại sau cho T2, T2 đồng ý. Sau đó, T2 lấy số tiền 3.300.000 đồng của T2 và 700.000 đồng tiền K3 đưa trước, tổng cộng số tiền là 4.000.000 đồng, đưa cho K đi mua ma túy về để tất cả cùng nhau sử dụng, K đồng ý.

Sau đó, K rủ D đồng ý và lấy xe mô tô Suzuki Satria, biển số 62F1-256.22 của D để đi mua ma túy. K điều khiển xe mô tô chở D ngồi phía sau chạy qua cầu H, thuộc địa bàn xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang khoảng 50 mét thì dừng xe cấp đường lộ, Khỏe điện thoại liên lạc cho một người thanh niên tên P (không rõ nhân thân, lai lịch) mua 4.000.000 đồng tiền ma túy, K và D vẫn ngồi trên xe mô tô. Sau đó, P đi xe mô tô (không rõ đặc điểm, biển số) đến giao ma túy đựng trong túi nylon có rãnh khếp viền giao cho K. Khỏe lấy ma túy bỏ vào túi quần và đưa cho P số tiền 4.000.000 đồng. Sau khi nhận ma túy, K điều khiển xe mô tô chở D ngồi phía sau đi về phòng số 04 điểm Karaoke Yên C và K đưa túi ma túy lại cho T2 cất giữ. Sau đó, T2, K, K3, D và T tiếp tục ngồi uống bia và ca hát.

Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, T2 bảo K, K3, D và T đổi qua phòng số 05 cho sạch hơn, âm nhạc hay hơn để tiếp tục ca hát, uống bia và cùng nhau sử dụng ma túy và được tất cả đồng ý. K3 điều khiển xe mô tô của K3 đi rước Nguyễn Thị L (bạn gái của K3) đến để ca hát và uống bia. Còn lại T2, K, T và D cùng dọn ly, bia, thùng đá và trái cây từ phòng số 04 qua phòng số 05 để chuẩn bị tiếp tục ca hát, uống bia và sử dụng ma túy. Sau khi dọn sang phòng số 05 xong, T điều khiển xe mô tô về trả xe cho gia đình và bảo K điều khiển xe mô tô xuống rước T quay lại sử dụng ma túy. Khỏe mượn xe mô tô của D, chạy theo để rước T. Khoảng 15 phút sau, K và T quay lại quán vào phòng số 05, cùng lúc này K3 và L cũng vừa đến.

Tại phòng số 05, T2 lấy túi ma túy bỏ tất cả ra đĩa, lấy thẻ ATM của K3 đang có sẵn trong túi quần của T2 cả nhuyễn ma túy và để thẻ ATM trên đĩa. Để có dụng cụ hút ma túy, K sử dụng hai điều thuốc lá nhãn hiệu JET bỏ phần thuốc rồi lấy phần vỏ bọc vào tờ tiền Polime mệnh giá 10.000 đồng tự chế thành một ống hút để cả nhóm sử dụng hút ma túy. Khi làm xong ống hút tự chế, K để ống hút trên đĩa. D dùng thẻ ATM kẻ ma túy thành đường nhỏ và cầm đĩa ma túy đưa T2 sử dụng trước, rồi lần lượt đến Khỏe, D, T và K3 sử dụng. L nằm trên ghế, sử dụng điện thoại, sau đó ngủ không biết K3 và những người trong phòng đang sử dụng trái phép chất ma túy.

Trong lúc đang sử dụng ma túy, T điện thoại liên lạc rủ Nguyễn Trung K2 đến Karaoke Yên C cùng sử dụng ma túy, K2 đồng ý nên T mượn chìa khóa xe mô tô của D điều khiển xe đi rước K2 đến và vào phòng số 05. K2 vào phòng, thấy có ma túy để sẵn trong đĩa để trên bàn nên lấy sử dụng, T2, K, K3, D và T

đều đồng ý cho K2 cùng sử dụng ma túy. Cả nhóm sử dụng ma túy và ca hát. Đến khoảng 23 giờ 40 phút cùng ngày, Công an huyện T tiến hành kiểm tra hành chính và phát hiện.

Tại Bản Kết luận giám định số 389/KL-KTHS ngày 26/4/2023 của Phòng K4 Công an tỉnh L, Kết luận: Chất bột màu trắng đựng trong 01 đĩa sành, được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,3886 gam, loại Ketamine.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

- Chất bột màu trắng là ma túy, loại Ketamine, có khối lượng 0,2377 gam còn lại sau giám định được đóng gói niêm phong số 389;
- 01 đĩa sành màu trắng, hình tròn, đường kính phần miệng đĩa 20 cm.
- 01 ống hút tự chế dài 13,5cm, bên trong có một tờ tiền mệnh giá 10.000 VND;
- 01 thẻ ATM ngân hàng M mang tên Nguyễn Văn K1;
- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, số máy: 5C6J198093, số khung: C6J0GY198083, biển kiểm soát 62E1-149.38, đã qua sử dụng cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe.
- 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại SATRIA, số máy: CGA1ID238450, số khung: MH8DL11AZMJ238379, biển kiểm soát 62F1-256.22.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A52 màu xanh, số IMEI: 352938772539610, bên trong có gắn thẻ sim số 0968055330, đã qua sử dụng;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI Redmi Note11, màu xanh, số IMEI 1: 86035906375134000, số IMEI 2: 86035906375135700, bên trong có gắn thẻ sim số 0345808330, đã qua sử dụng;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI Redmi 5G, màu xanh, số IMEI 1: 86280705702674778, số IMEI 2: 86280705702675478, bên trong có gắn thẻ sim số 0364926419, đã qua sử dụng;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno7, màu đen, số IMEI 1: 862765052293698, số IMEI 2: 862765052293680, bên trong có gắn thẻ sim số 0372678433, đã qua sử dụng;

Tại Bản cáo trạng số 44/CT-VKSTT ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An, đã truy tố các bị cáo Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn K1, Trần Văn D và Lê Chí T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2024/HS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An, đã xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Chí T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Chí T 07 (B) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/5/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo còn lại; thời hạn tiếp tục tạm giam; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/9/2024 bị cáo Lê Chí T kháng cáo một phần của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo, theo hướng giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Lê Chí T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về thủ tục kháng cáo của bị cáo đối với Bản án sơ thẩm là đúng thời hạn, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên vụ án đủ điều kiện để xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy: Án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Chí T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Mức hình phạt đã tuyên phạt bị cáo 07 năm tù là phù hợp. Bị cáo kháng cáo không có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Lê Chí T có Đơn kháng cáo. Xét Đơn kháng cáo của bị cáo thực hiện trong thời hạn luật định, nên được xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Nội dung vụ việc và yêu cầu kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Chí T khai nhận: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 22/4/2023, đang uống rượu bia và hát Karaoke tại điểm Karaoke Y, thuộc

ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Long An, T2 rủ K1, K, D và T cùng hùn tiền lại để mua ma túy sử dụng chung và được tất cả đồng ý. K1 hùn số tiền 700.000 đồng, còn lại T, D và K không có tiền đưa ra để hùn, nên nhờ T2 ứng ra trước và trả lại sau. Sau đó, K và D đi mua ma túy mang về. Cả nhóm dờ qua phòng số 05 của điểm Karaoke để tiếp tục uống bia, hát Karaoke và sử dụng ma túy chung với nhau. Ngoài ra, T còn liên lạc rủ thêm bạn là Nguyễn Trung K2 đến để cùng sử dụng ma túy chung. Sau đó, bị lực lượng Công an phát hiện. Xét, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nội dung án sơ thẩm đã nêu. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Lê Chí T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là xét xử đúng người, đúng tội, không oan cho bị cáo.

Qua xem xét nhân thân, tính chất, mức độ của hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy: Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo 07 năm tù là tương xứng, mức hình phạt này mới chỉ là khởi điểm của khung hình phạt (từ 07 năm đến 15 năm). Bị cáo kháng cáo không có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên không có căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo hướng áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình để xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo. Giữ nguyên về hình phạt đối với bị cáo T tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2024/HS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An như đại diện của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa đề nghị là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét thấy, tại phần “NỘI DUNG VỤ ÁN” của án sơ thẩm đã thể hiện lại toàn bộ phần nội dung của Bản cáo trạng về: diễn biến những sự việc đã diễn ra trước đó, không có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo; nhận định về hành vi của người liên quan... là không cần thiết, không trọng tâm, chưa đúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự và được hướng dẫn tại mẫu số 27 – HS của Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19/9/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Ngoài ra, án sơ thẩm còn sử dụng cụm từ “bị can” nhiều lần, là xác định không đúng tư cách của người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 60 và 61 Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ các Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xét kháng cáo của bị cáo T không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí sung vào ngân sách Nhà nước.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Chí T. Giữ nguyên về hình phạt đối với bị cáo Lê Chí T tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2024/HS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

2. Tuyên bố: Bị cáo Lê Chí T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Chí T 07 (B) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 24/5/2024.

Áp dụng: Điều 347 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Chí T 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 15/11/2024 để đảm bảo việc thi hành án.

3. Về án phí:

Áp dụng: Các Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lê Chí T nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01);
- TAND huyện Tân Thạnh (02);
- VKSND huyện Tân Thạnh (01);
- CQĐT Công an huyện Tân Thạnh (01);
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh (01);
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thiện Tâm